

## TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 32 : VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

**Câu 1. ý nào dưới đây không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Có diện tích rộng nhất so với các vùng khác trong cả nước
- B. Có số dân đông nhất so với các vùng khác trong cả nước
- C. Có sự phân hóa thành hai tiểu vùng
- D. Tiếp giáp với Trung Quốc và Lào

**Câu 2. Tỉnh nào dưới đây thuộc vùng TRung du và miền núi Bắc Bộ ?**

- A. Hà Nam
- B. Thanh Hóa
- C. Vĩnh Phúc
- D. Tuyên Quang

**Câu 3. Tỉnh nào dưới đây vừa có cửa khẩu đường biển, vừa có cửa khẩu đường bộ với Trung Quốc?**

- A. Quảng Ninh
- B. Hà Giang
- C. Hòa Bình
- D. Cao Bằng

**Câu 4. Điều khác biệt về vị trí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ so với các vùng khác trong cả nước là**

- A. Có biên giới kéo dài với Trung Quốc và Lào
- B. Có tất cả các tỉnh giáp biển
- C. Nằm ở vị trí trung chuyển giữa miền Bắc và miền Nam
- D. Giáp Lào và Campuchia

**Câu 5. So với khu vực Tây Bắc, khu vực Đông Bắc có**

- A. Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn hơn
- B. Mùa đông đến muộn và kết thúc muộn hơn
- C. Mùa đông đến sớm và kết thúc sớm hơn
- D. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn

**Câu 6. So với khu vực Đông Bắc, khu vực Tây Bắc có mùa đông ngắn hơn là do**

- A. Vị trí địa lí và ảnh hưởng của dãy Hoàng Liên Sơn
- B. Các dãy núi hướng vòng cung đón gió
- C. Không giáp biển

D. Địa hình núi cao là chủ yếu

**Câu 7. Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có mùa đông lạnh nhất nước ta là do**

- A. Có nhiều dãy núi cao hướng tây bắc- đông nam
- B. ảnh hưởng của vị trí và dãy núi hướng vòng cung
- C. Có vị trí giáp biển và đảo ven bờ nhiều
- D. Các đồng bằng đón gió

**Câu 8. Ý nào là hạn chế trong việc phát triển kinh tế biển của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Có vùng biển không rộng nhưng kín gió
- B. Bờ biển khúc khuỷu, nhiều đảo ven bờ
- C. Nhiều cảnh quan đẹp
- D. Có mùa đông lạnh nhất cả nước

**Câu 9. Khó khăn về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. Triều cường, xâm nhập mặn
- B. Rét đậm, rét hại
- C. Cát bat , cát lún
- D. Sóng thần

**Câu 10. Thế mạnh nào dưới đây là của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Khai thác và chế biến lâm sản, trồng lúa
- B. Khai thác và chế biến dầu khí, thủy điện
- C. Khai thác và chế biến bôxít, thủy sản
- D. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện

**Câu 11. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. Than
- B. Dầu khí
- C. Vàng
- D. Bôxít

**Câu 12. Nguồn than khai thác của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu**

- A. Phục vụ cho nhu cầu đời sống của nhân dân trong vùng
- B. Làm phụ gia cho công nghiệp hóa chất
- C. Phục vụ cho ngành luyện kim
- D. Làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện và xuất khẩu

**Câu 13. Hai nhà máy thủy điện có công suất lớn thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. Hòa Bình, Sơn La
- B. Tuyên Quang, Thác Bà
- C. Hàm Thuận, Sông Hình
- D. Trị An, Yaly

**Câu 14. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới là do**

- A. Khí hậu nhiệt đới, độ ẩm cao
- B. Khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh và ảnh hưởng của địa hình núi
- C. Khí hậu có sự phân mùa
- D. Lượng mưa hàng năm lớn

**Câu 15. Cây công nghiệp được coi là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. Cà phê
- B. Chè
- C. Cao su
- D. Hồ tiêu

**Câu 16. Đặc điểm tự nhiên có ảnh hưởng lớn nhất đến việc hình thành vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. Đất feralit giàu dinh dưỡng
- B. Khí hậu nhiệt đới trên núi có mùa đông lạnh
- C. Địa hình đồi thấp
- D. Lượng mưa lớn

**Câu 17. Vùng Tây Bắc nước ta vẫn trồng được cà phê, chè là do**

- A. Có các khu vực địa hình thấp, kín gió
- B. Có mùa đông lạnh
- C. Địa hình cao nên nhiệt độ giảm
- D. Có hai mùa rõ rệt

**Câu 18. Loại cây ăn quả đặc trưng của vùng TRung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. Mít, xoài, vải
- B. Mận, đào, lê
- C. Nhãn, chôm chôm, bưởi
- D. Cam, quýt, sầu riêng

**Câu 19. Để phát triển chăn nuôi trâu,bò, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chưa cần thiết phải**

- A. Cải tạo các đồng cỏ để giải quyết nguồn thức ăn
- B. Đa dạng các sản phẩm chăn nuôi
- C. Phát triển giao thông vận tải để gắn với thị trường tiêu thụ
- D. Tăng cường hợp tác với các nước láng giềng để trao đổi kinh nghiệm

**Câu 20. Ngành chăn nuôi lợn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển là do**

- A. Có diện tích trồng hoa màu lớn
- B. Có nguồn lao động đông đảo
- C. Có thị trường tiêu thụ lớn
- D. Có khí hậu thuận lợi

**Câu 21. Ý nào không đúng trong việc phát huy các thế mạnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?**

- A. Góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế của vùng
- B. Nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc, thay đổi tập quán sản xuất, thu hút lực lượng lao động
- C. Bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biên giới
- D. Ngăn chặn được các thiên tai đến với vùng

**Câu 22. Ngành kinh tế biển nào dưới đây không xuất hiện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ?**

- A. Khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản
- B. Khai thác dầu khí
- C. Giao thông vận tải biển
- D. Du lịch biển

**Câu 23. Khoáng sản than của nước ta tập trung chủ yếu ở tỉnh nào?**

- A. Thái Nguyên.
- B. Quảng Ninh.
- C. Cao Bằng.
- D. Lào Cai.

**Câu 24. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh để phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới là do**

- A. tài nguyên đất phong phú và đa dạng.
- B. khí hậu có mùa đông lạnh và phân hóa theo độ cao.
- C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- D. địa hình phân hóa đa dạng nhưng núi thấp chiếm ưu thế.

**Câu 25. Vật nuôi nào ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta có mà ở các vùng khác không có?**

- A. Dê.
- B. Cừu.
- C. Ngựa.
- D. Trâu.

**Câu 26. Tỉnh nào ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển ngành đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản?**

- A. Hải Phòng.
- B. Lạng Sơn.
- C. Bắc Giang.
- D. Quảng Ninh.

**Câu 27. Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển mạnh ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản là do vùng**

- A. giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta.
- B. có số dân đông, lao động dồi dào.
- C. có trình độ khoa học và công nghệ cao.
- D. có thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn.

**Câu 28. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển chăn nuôi gia súc ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. địa hình bị chia cắt phức tạp.
- B. hiện tượng rét đậm, rét hại.
- C. thiếu nước về mùa đông.
- D. chất lượng đồng cỏ chưa cao.

**Câu 29. Thế mạnh nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lợn.
- B. Phát triển kinh tế biển và du lịch.
- C. Trồng cây công nghiệp lâu năm nhiệt đới.
- D. Khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.

**Câu 30. Trung du và miền núi Bắc Bộ ít có điều kiện thuận lợi để phát triển**

- A. cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới
- B. cây đặc sản, cây cần quả cận nhiệt và ôn đới
- C. cây công nghiệp lâu năm có nguồn gốc nhiệt đới
- D. cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới

**Câu 31. Nét đặc trưng về vị trí của Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. giáp Trung Quốc, giáp một vùng kinh tế.
- B. giáp Lào, không giáp biển.
- C. giáp một vùng kinh tế, giáp biển.
- D. có biên giới chung với hai nước, giáp biển.

**Câu 32. Khí hậu có mùa đông lạnh và phân hóa theo độ cao của Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể mạnh để phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc nào sau đây?**

- A. ôn đới, nhiệt đới
- B. cận nhiệt, ôn đới
- C. cận nhiệt, nhiệt đới.
- D. cận nhiệt, cận xích đạo

**Câu 33. Trung du và miền núi Bắc Bộ không tiếp giáp với vùng/ quốc gia nào sau đây?**

- A. Trung Quốc
- B. Thượng Lào
- C. Campuchia
- D. Đồng bằng sông Hồng

**Câu 34. Loại khoáng sản có trữ lượng lớn và chất lượng vào loại tốt nhất Đông Nam Á ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. than antraxit
- B. apatit
- C. bôxít
- D. sắt

**Câu 35. Điểm cần lưu ý trong việc xây dựng các nhà máy thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ về mặt môi trường tự nhiên là**

- A. chú ý đến những thay đổi của thiên nhiên.
- B. đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.
- C. gắn kết với sự phát triển công nghiệp của vùng.
- D. tăng cường hiệu quả kinh tế.

**Câu 36. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở Trung du miền núi Bắc Bộ có chung đường biên giới trên đất liền với cả Trung Quốc và Lào?**

- A. Lai Châu.
- B. Sơn La.
- C. Điện Biên.
- D. Lào Cai.

**Câu 37.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ không có cửa khẩu quốc tế nào dưới đây?

- A. Tà Lùng
- B. Thanh Thủy.
- C. Tây Trang.
- D. Cầu Treo.

**Câu 38.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có giá trị sản xuất công nghiệp dưới 9 nghìn tỉ đồng?

- A. Cẩm Phả và Thái Nguyên.
- B. Thái Nguyên và Hạ Long.
- C. Hạ Long và Hải Phòng.
- D. Việt Trì và Hải Phòng.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở Trung du miền núi Bắc Bộ không có chung đường biên giới trên đất liền với Trung Quốc?

- A. Cao Bằng
- B. Tuyên Quang
- C. Lào Cai
- D. Lạng Sơn.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm trên con sông nào?

- A. Sông Mã.
- B. Sông Thái Bình.
- C. Sông Đà.
- D. Sông Hồng.

**Câu 41.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có giá trị sản xuất công nghiệp từ 9 – 40 nghìn tỉ đồng?

- A. Cẩm Phả
- B. Thái Nguyên
- C. Hạ Long
- D. Việt Trì

**Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết nhà máy thủy điện Thác Bà nằm trên con sông nào?**

- A. Sông Gâm
- B. Sông Chảy
- C. Sông Đà
- D. Sông Hồng

**Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Móng Cái
- B. Lệ Thanh
- C. Lao Bảo
- D. Cầu Treo

**Câu 44. Hoạt động kinh tế biển nào sau đây không được phát triển mạnh ở vùng biển Quảng Ninh?**

- A. Đánh bắt xa bờ
- B. Nuôi trồng thủy sản
- C. Du lịch biển – đảo
- D. Khai thác khoáng sản

**Câu 45. Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. thiếu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật.
- B. đòi hỏi chi phí đầu tư lớn và công nghệ cao.
- C. thị trường tiêu thụ nhỏ hẹp.
- D. thiết bị, máy móc, phương tiện khai thác thiếu.

**Câu 46. Khó khăn chủ yếu hiện nay đối với phát triển chăn nuôi gia súc lớn của Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. thiếu đồng cỏ để phát triển chăn nuôi
- B. vận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ
- C. thiếu nước nghiêm trọng trong mùa khô cho gia súc
- D. nguồn lao động trong chăn nuôi chưa được đào tạo nhiều

**Câu 47. Phát biểu nào sau đây không đúng với việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Các sông suối có trữ năng thủy điện khá lớn.
- B. Các nhà máy điện công suất lớn đã xây dựng trên các sông chính.
- C. Nhiều nhà máy thủy điện nhỏ đang được xây dựng trên phụ lưu của các sông.

D. Việc phát triển thủy điện của vùng này không ảnh hưởng đến môi trường.

**Câu 48. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho chăn nuôi lợn hiện nay được phát triển mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt hơn.
- B. Đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.
- C. Cơ sở vật chất kỹ thuật và giống đảm bảo hơn.
- D. Các cơ sở công nghiệp chế biến thực phẩm phát triển.

**Câu 49. Đàn lợn của Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển chủ yếu dựa vào**

- A. sản phẩm phụ của chế biến thủy sản.
- B. nguồn lúa gạo và phụ phẩm của nó.
- C. sự phong phú của hoa màu lương thực.
- D. sự phong phú của thức ăn trong rừng.

**Câu 50. Cơ sở chủ yếu để cơ cấu công nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm nhiều ngành là**

- A. chính sách phát triển công nghiệp ở miền núi của Nhà nước.
- B. tài nguyên thiên nhiên đa dạng.
- C. sự giao lưu thuận lợi với các vùng khác ở trong và ngoài nước.
- D. nguồn lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất truyền thống.

**Câu 51. Khả năng đa dạng hoá cơ cấu kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bắt nguồn chủ yếu dựa vào yếu tố nào?**

- A. nguồn lao động có chuyên môn và kinh nghiệm.
- B. chính sách phát triển của Nhà nước.
- C. nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước.
- D. tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.

**Câu 52. Khó khăn về tự nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ khi phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản và cây ăn quả là**

- A. đất thường xuyên bị rửa trôi, xói mòn
- B. địa hình núi cao hiểm trở.
- C. hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối, thiếu nước về mùa đông.
- D. thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ quét lũ ống.

**Câu 53. Yếu tố tự nhiên nào quyết định đến việc phát triển thế mạnh trồng rau quả cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

- A. Địa hình.
- B. Khí hậu.
- C. Thổ nhưỡng.

D. Sông ngòi.

**Câu 54. Đàn trâu của Trung du và miền núi Bắc Bộ được nuôi rộng rãi, với số lượng nhiều (chiếm trên 50% đàn trâu cả nước) và nhiều hơn bò (khoảng 16% đàn bò cả nước) chủ yếu do**

- A. trâu khỏe, ưa khí hậu ẩm
- B. trâu khỏe, ưa khí hậu ẩm và chịu rét giỏi
- C. trâu khỏe, ưa khí hậu ẩm, chịu rét giỏi và thích nghi với điều kiện chăn thả trong rừng.
- D. nhu cầu của vùng về thịt, sức kéo và phân bón từ trâu lớn.

**Câu 55. Tại sao Trung du và miền núi Bắc Bộ có đàn trâu lớn nhất nước ta?**

- A. Có nhiều đồng cỏ, khí hậu thích hợp.
- B. Nhu cầu tiêu thụ trâu lớn nhất.
- C. Cơ sở chế biến rất phát triển.
- D. Nhu cầu sức kéo trong nông nghiệp lớn.

**Câu 56. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là**

- A. tăng sản lượng điện cho cả nước.
- B. tạo động lực mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.
- C. điều hòa lũ trong mùa mưa cho hạ lưu sông.
- D. phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch

**Câu 57. Trung du và miền núi Bắc Bộ có thể mạnh nổi bật nhất cả nước về tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp nào dưới đây?**

- A. Khai thác khoáng sản.
- B. Luyện kim đen.
- C. Thủy điện.
- D. Vật liệu xây dựng.

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM ĐỊA 12 BÀI 32 : VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở  
TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

<b>Câu</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Câu</b>	<b>Đáp án</b>
Câu 1	B	Câu 30	C
Câu 2	D	Câu 31	D
Câu 3	A	Câu 32	B
Câu 4	A	Câu 33	C
Câu 5	A	Câu 34	A
Câu 6	A	Câu 35	A
Câu 7	B	Câu 36	C
Câu 8	D	Câu 37	D
Câu 9	B	Câu 38	A
Câu 10	D	Câu 39	B
Câu 11	A	Câu 40	C
Câu 12	D	Câu 41	C
Câu 13	A	Câu 42	B
Câu 14	B	Câu 43	A
Câu 15	B	Câu 44	D
Câu 16	B	Câu 45	B
Câu 17	A	Câu 46	B
Câu 18	B	Câu 47	D
Câu 19	D	Câu 48	C
Câu 20	A	Câu 49	C
Câu 21	D	Câu 50	B

Câu 22	B	Câu 51	D
Câu 23	B	Câu 52	C
Câu 24	B	Câu 53	B
Câu 25	C	Câu 54	C
Câu 26	D	Câu 55	A
Câu 27	A	Câu 56	B
Câu 28	B	Câu 57	C
Câu 29	C		

